

**NỘI DUNG THAM KHẢO ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 NĂM HỌC 2022-2023
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7**

I. PHẦN TỰ LUẬN**Câu 1: Tình hình kinh tế, xã hội thời Trần****a. Nông nghiệp:**

- Biện pháp: khai hoang, đắp đê, đào sông ngòi, thủy lợi...
- Đặt chức quan chăm lo nông nghiệp, thủy lợi.
- Ngoài trồng lúa, nhân dân trồng nhiều loại cây như khoai, đậu, cây ăn quả...

b. Thủ công nghiệp:

- Xuất hiện nhiều làng nghề thủ công chuyên nghiệp.
- Thăng Long là trung tâm sản xuất, buôn bán lớn... có 61 phường sản xuất, sản phẩm đa dạng, phong phú như gốm, dệt, đúc đồng...

c. Thương nghiệp:

- Tiền được sử dụng phổ biến.
- Buôn bán với người nước ngoài ở các cửa biển: Vân Đồn, Hội Thống, Hội Triều...
- > Kinh tế nhà Trần ngày càng phát triển

Câu 2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên**a. Nguyên nhân thắng lợi**

- Lòng yêu nước, sự đoàn kết của toàn dân.
- Đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của nhà Trần.
- Tài năng của các vua Trần và các danh tướng như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải...

b. Ý nghĩa lịch sử

- Đập tan tham vọng xâm lược của quân Mông – Nguyên đối với Đại Việt và các quốc gia khác trong khu vực.
- Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, mở ra nền thái bình hơn một thế kỷ.
- Để lại nhiều bài học lịch sử quý giá.

Câu 3. Nhà Lê sơ thành lập

- Tháng 4/1428, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, khôi phục quốc hiệu là Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh (thành Thăng Long).
- Cả nước chia thành 13 đạo/thừa tuyên, đứng đầu mỗi đạo có ba ti; dưới đạo có phủ, châu, huyện và xã.
- Ban hành Quốc triều hình luật (luật Hồng Đức) với nhiều nội dung tiến bộ.
- Quân đội: được chú trọng, tổ chức theo chính sách “ngụ binh ư nông”.

Câu 4. Vấn đề đô thị hóa Trung và Nam Mỹ

- Tốc độ đô thị hóa cao (tỉ lệ dân thành thị chiếm trên 80% số dân – 2020).
- Các đô thị trên 10 triệu: Mê-hi-cô Xi-ti, Xao Pao-lô, Ri-ô Gia-nê-rô,...
- Đô thị hóa mang tính tự phát.

=> Tạo ra nhiều sức ép về kinh tế – xã hội và môi trường.

Câu 5: Trình bày thực trạng và biện pháp khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản ở châu Đại Dương:**- Thực trạng:**

- + Ô-xtrây-li-a dẫn đầu thế giới về sản lượng khai thác: than đá, u-ra-ni-um, ni-ken, chì.
- + Ô-xtrây-li-a đứng trong nhóm 6 nước khai thác nhiều nhất: bô-xít, đồng, vàng, sắt, kim cương.

- Biện pháp:

- + Áp dụng các biện pháp khai thác tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế: sử dụng rô bốt để khai thác, dùng tàu và xe tự hành cỡ lớn để vận chuyển....
- + Kết hợp vấn đề bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và hiệu quả thương mại.

Câu 6. Dựa vào hình 20.1 bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a



Hình 20.1. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a, năm 2020

Kể tên một số đô thị

Cho biết các đô thị thường tập trung ở khu vực nào?

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nét nổi bật của tình hình nghĩa quân Lam Sơn trong giai đoạn 1418 - 1423 là:

- A. Liên tục bị quân Minh vây đánh và phải 3 lần rút lui lên núi Chí Linh.
- B. Mở rộng địa bàn hoạt động vào phía Nam.
- C. Tiến quân ra Bắc và giành nhiều thắng lợi.
- D. Tổ chức các trận quyết chiến chiến lược nhưng không thành công.

Câu 2: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

- A. Kết thúc chiến tranh và buộc nhà Minh bồi thường chiến tranh cho nước ta.
- B. Kết thúc 20 năm đô hộ tàn bạo của phong kiến nhà Minh, mở ra thời kì phát triển của đất nước.
- C. Mở ra thời kì phát triển mới của đất nước với việc nhà Minh thần phục nước ta.
- D. Kết thúc 30 năm đô hộ tàn bạo của phong kiến nhà Minh.

Câu 3: Ai là người lãnh đạo tối cao của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

- A. Lê Lợi.
- B. Nguyễn Trãi.
- C. Nguyễn Xí.
- D. Đinh Lễ.

Câu 4: Ai là người đưa ra ý tưởng chuyển địa bàn hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn từ Thanh Hóa vào Nghệ An?

- A. Lê Lợi
- B. Nguyễn Chích
- C. Nguyễn Trãi
- D. Trần Nguyên Hãn

Câu 5: Từ năm 1424 - 1425, nghĩa quân Lam Sơn đã giải phóng một vùng rộng lớn từ:

- A. Thanh Hóa tới Nghệ An.
- B. Nam Định đến Thanh Hóa.
- C. Thanh Hóa đến đèo Hải Vân.
- D. Nghệ An đến đèo Hải Vân.

Câu 6: Cuối năm 1426, nghĩa quân Lam Sơn đã giành chiến thắng ở:

- A. Chi Lăng - Xương Giang.
- B. Ngọc Hồi - Đống Đa.
- C. Tốt Động - Chúc Động.
- D. Rạch Gầm - Xoài Mút.

Câu 7: Cuối năm 1427, nghĩa quân Lam Sơn đã giành chiến thắng ở:

- A. Chi Lăng - Xương Giang.
- B. Ngọc Hồi - Đống Đa.
- C. Tốt Động - Chúc Động.
- D. Rạch Gầm - Xoài Mút.

Câu 8: Hai trận đánh lớn nhất trong khởi nghĩa Lam Sơn là:

- A. Trận Hạ Hồi và trận Ngọc Hồi – Đống Đa.
- B. Trận Rạch Gầm – Xoài Mút và trận Bạch Đằng.
- C. Trận Tây Kết và trận Đông Bộ Đầu.
- D. Trận Tốt Động – Chúc Động và trận Chi Lăng – Xương Giang.

Câu 9: Sau khi kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi vua vào năm nào, đặt tên nước là gì?

- A. Lên ngôi năm 1428 – tên nước là Đại Việt
- C. Lên ngôi năm 1427 – tên nước là Việt Nam
- B. Lên ngôi năm 1428 – tên nước là Đại Nam
- D. Lên ngôi năm 1427 – tên nước là Đại Cồ Việt

Câu 10: Ai là người căn dặn các quan trong triều: “Một thước núi, một tấc sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ”.

- A. Lê Thái Tổ
- B. Lê Thánh Tông
- C. Lê Nhân Tông
- D. Lê Hiến Tông

Câu 11: Quân dân nhà Trần đã kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên bao nhiêu lần?

- A. 1 lần.
- B. 2 lần.
- C. 3 lần.
- D. 4 lần.

Câu 12: Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng: “Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ chớ có lo gì”?

- A. Trần Thái Tông.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Hưng Đạo.
- D. Trần Nhân Tông.

Câu 13: Kế sách nào đã được nhà Trần sử dụng trong cả 3 lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)?

- A. Vườn không nhà trống.
- C. Vây thành, diệt viện.
- B. Tiên phát chế nhân.
- D. Đóng cọc trên sông Bạch Đằng.

Câu 14: Tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến chống quân Nguyên (năm 1285) của nhà Trần là

- A. Trần Thái Tông.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Quốc Tuấn.
- D. Trần Nhân Tông.

Câu 15: Để khích lệ tinh thần chiến đấu của các binh sĩ, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã viết ra tác phẩm nào?

- A. Binh thư yếu lược.
- B. Bình Ngô đại cáo.
- C. Hịch tướng sĩ.
- D. Nam quốc sơn hà.

Câu 16: Ai là tác giả của câu nói: “Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc”?

- A. Trần Khánh Dư.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Hưng Đạo.
- D. Trần Bình Trọng.

Câu 17: Năm 1257, khi Mông Cổ cho quân áp sát biên giới Đại Việt và cử sứ giả đến Thăng Long dụ hàng, vua Trần Thái Tông đã có thái độ như thế nào?

- A. Yêu cầu sứ giả chuyển lại thư đầu hàng cho vua Mông Cổ.
- B. Lo ngại sức mạnh của quân địch nên vội vàng xin giảng hòa.
- C. Cho bắt giam sứ giả, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến.
- D. Đuổi sứ giả về nước, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến.

Câu 18: Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lược năm 1258 đã diễn ra những trận đánh lớn nào?

- A. Bạch Đằng, Chương Dương, Phù Lỗ.
- C. Thiên Mạc, Bình Lệ Nguyên, Chương Dương.
- B. Bình Lệ Nguyên, Phù Lỗ, Đông Bộ Đầu.
- D. Tây Kết, Chương Dương, Hàm Tử.

Câu 19: Năm 1279, nhà Nguyên đã chiếm được toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc và ráo riết chuẩn bị lực lượng để xâm lược Đại Việt. Trước tình hình đó, nhà Trần đã:

- A. triệu tập hội nghị Bình Than và Diên Hồng để bàn kế sách đánh giặc.
- B. chủ động xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt để chặn giặc.
- C. cho quân tấn công sang đất nhà Nguyên để chặn trước thế mạnh của giặc.
- D. xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, như: thành Đa Bang, thành Tây Đô,...

Câu 20: Địa danh lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố sau:

“Sông nào nổi sóng bạc đầu,

Ba phen cọc gỗ đâm tàu xâm lăng?”

- A. Sông Như Nguyệt.
- B. Sông Thu Bồn.
- C. Sông Bạch Đằng.
- D. Sông Bến Hải.

Câu 21: Dân cư Trung và Nam Mỹ bao gồm những thành phần nào?

- A. Người bản địa và người nhập cư
- C. Người bản địa và người lai
- B. Người nhập cư và người lai
- D. Người bản địa, người nhập cư và người lai

Câu 22. Vùng thưa dân nhất ở Trung và Nam Mỹ là vùng nào?

- A. Vùng đồng bằng ven biển
B. Vùng cửa sông
C. Trên các cao nguyên
D. Khu vực rừng A-ma-dôn

Câu 23. Trung và Nam Mỹ có tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số vào loại:

- A. Cao ($> 1,8\%$)
B. Thấp nhất ($1 - 1,8\%$)
C. Rất thấp ($0 - 0,8\%$)
D. Thấp ($0,9\%$)

Câu 24. Trung và Nam Mỹ có các đô thị lớn trên 10 triệu dân là những đô thị nào sau đây?

- A. Mê-hi-cô-Xi-ti, Xao Pao-lô, Ri-ô đê Gia-nê-rô
B. Mê-hi-cô-Xi-ti, Xao Pao-lô, Rê-xi-phê
C. La Ha-ba-na, Xao Pao-lô, Ri-ô đê Gia-nê-rô
D. La Ha-ba-na, Li-ma, Ma-ra-cai-bô

Câu 25. Xao Pao lô là thành phố đông dân nhất ở Nam Mỹ, thuộc quốc gia nào?

- A. Pa-ra-goay
B. Ac-hen-ti-na
C. Vê-nê-xu-ê-la
D. Bra-xin

Câu 26. Lễ hội Ca-na-van ở Nam Mỹ diễn ra hàng năm ở quốc gia nào?

- A. Ac-hen-ti-na
B. Pa-ra-goay
C. Vê-nê-xu-ê-la
D. Bra-xin

Câu 27. Trung và Nam Mỹ số dân thành thị chiếm tỉ lệ bao nhiêu ?

- A. 78%
B. 60%
C. 80%
D. 50%

Câu 28. Tốc độ đô thị hóa nhanh ở Trung và Nam Mỹ là hệ quả nào?

- A. Tốc độ đô thị hóa kinh tế nhanh
B. Trình độ đô thị hóa cao
C. Đô thị hóa tự phát
D. Đô thị hóa có quy hoạch

Câu 29. Châu Đại Dương nằm giữa hai đại dương nào?

- A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương
B. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương
C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương
D. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương

Câu 30. Châu Đại Dương phần lớn diện tích nằm ở bán cầu nào?

- A. Bán cầu Bắc
B. Bán cầu Tây
C. Bán cầu Nam
D. Bán cầu Đông

Câu 31. Lục địa Ô-xtray-li-a trải dài từ khoảng vĩ tuyến bao nhiêu?

- A. 10°N đến khoảng 39°N
B. 10°N đến khoảng 89°B
C. 10°B đến khoảng 39°N
D. 20°N đến khoảng 39°Đ

Câu 32. Loài động vật là biểu tượng cho đất nước Ô-xtrây-li-a là gì?

- A. Gấu trúc
B. Chim cánh cụt
C. Sư tử
D. Kangaroo

Câu 33. Địa hình ở Niu Di-len và chuỗi đảo Mê-la-nê-di chủ yếu là gì?

- A. Núi lửa
B. San hô
C. Đồng bằng
D. Núi cao

Câu 34. Lục địa Ô-xtray-li-a có đặc điểm về địa hình là:

- A. một lục địa tương đối bằng phẳng
B. một lục địa với độ cao trung bình trên 1000m
C. một vùng núi cao trung bình
D. một lục địa rộng lớn nhất trên Trái Đất

Câu 35: Đất nước có diện tích lớn nhất châu Đại Dương là?

- A. Va-nu-a-tu.
B. Niu Di-len.
C. Pa-pua Niu Ghi-nê.
D. Ô-xtrây-li-a.

Câu 35: Phía bắc lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu?

- A. Cận nhiệt hải dương
B. Nhiệt đới gió mùa.
C. Ôn đới.
D. Khí hậu núi cao

Câu 36: Phía tây lục địa Ô-xtrây-li-a có địa hình gì?

- A. Cao nguyên, hoang mạc.
B. Đồng bằng.
C. Bồn địa.
D. Núi cao.

Câu 37: Ở châu Đại Dương có những loại đảo nào?

- A. Đảo núi lửa và đảo san hô.
B. Đảo núi lửa và đảo động đất.
C. Đảo san hô và đảo nhân tạo.
D. Đảo nhân tạo và đảo sóng thần.

Câu 38: Xét về diện tích, châu Đại Dương xếp thứ mấy thế giới?

- A. Thứ ba.
B. Thứ tư.
C. Thứ năm.
D. Thứ sáu.

Câu 39. Độ cao trung bình của sơn nguyên phía tây Ô-xtrây-li-a là bao nhiêu?

- A. Trung bình dưới 500m.
B. Trung bình 800-1000m.
C. Trung bình 500m.
D. Trung bình 1000m.

Câu 40. Số loài động, thực vật địa phương ở Ô-xtrây-li-a chiếm bao nhiêu %?

- A. 50%
B. 70%
C. 75%
D. 80%

CHÚC CÁC EM ĐẠT KẾT QUẢ TỐT NHẤT -